

## Phụ lục 02

**Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu Chương trình**

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả đến 31/3/2023	Dự kiến kết quả đến 31/12/2023	Ghi chú
1	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông	%	100.00	100.00	
2	Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hoá	%	80.00	90.00	
3	Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố	%	55.50	60.00	
4	Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố	%	99.00	100.00	
5	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp	%	99.70	99.75	
6	Tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình	%	85.00	90.00	
7	Tỷ lệ đồng bào DTTS được nghe đài phát thanh	%	90.00	90.00	
8	Tỷ lệ hộ di cư không theo quy hoạch được sắp xếp, bố trí ổn định	%	57.4	57.4	
9	Tỷ lệ học sinh 5 tuổi đến trường	%	99,6/99,8 99,7/99,7	99,7/99,8 99,7/99,8	
10	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi tiểu học đến trường	%	99,8/99,9 99,9/99,9	99,8/99,9 99,9/99,9	
11	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi trung học cơ sở đến trường	%	95,8/98,4 97,7/97,7	96/98,6 97,9/97,9	
12	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi trung học phổ thông đến trường	%	37,0/60,0 57,0/57,0	38,0/61,0 58,0/58,0	
13	Tỷ lệ người 15 tuổi trở lên đọc thông viết thạo tiếng phổ thông	%	91,3/96,0 95,3/94,9	92/96,5 95,9/95,7	
14	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng	%	97	98	
15	Tỷ lệ thôn có đội văn hoá, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng	%	1.0	10.5	
16	Tỷ lệ đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế	%	81.56	83.76	
17	Tỷ lệ trạm y tế xã vùng DTTS&MN đủ điều kiện khám chữa bệnh BHYT	%	100	100	

## Phụ lục 03

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHỈ TIÊU NĂM 2023 VÀ MỤC TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2024-2025  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA DTTS&MN**

Nội dung	Chi tiêu kế hoạch GD 2021-2025		KẾT QUẢ THỰC HIỆN (luỹ kể đến thời điểm báo cáo)					KẾT QUẢ THỰC HIỆN (ước đến 31/12/2023)					DỰ KIẾN MỤC TIÊU NĂM 2024					DỰ KIẾN MỤC TIÊU NĂM 2025					Ghi chú		
	Số lượng	ĐVT	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)			
			Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)				
																								Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)
<b>Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi</b>	4	%											4.36	%											
<b>1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>																									
Hỗ trợ đất ở	120	Hộ (hỗ trợ)	120		5	Hộ	4.2			59	Hộ	49.2			Hộ	41	34.2				Hộ	41	34.2	34.3	
Hỗ trợ nhà ở	350	Hộ (hỗ trợ)	350		33	Hộ	9.4			197	Hộ	56.3			Hộ	121	34.6				Hộ	121	34.6		
Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất	676	Hộ (hỗ trợ)	676		24	Hộ	3.6			258	Hộ	38.2			Hộ	233	34.5				Hộ	233	34.5		
Hỗ trợ chuyển đổi nghề	5,383	Hộ (hỗ trợ)	5,383		171	Hộ	3.2			1,532	Hộ	28.5			Hộ	2152	40.0				Hộ	2152	40.0		
Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	6,718	Hộ (hỗ trợ)	6,718		1,033	Hộ	15.4			1,033	Hộ	15.4			Hộ	2686	40.0				Hộ	2686	40.0		
Hỗ trợ xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung	25	Công trình	9	Công trình			36.0	9	Công trình			36.0	9	Công trình			36.0	3	Công trình					12.0	
<b>2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>	15/9.231	Dự án/hộ	13	Dự án			86.7	13	Dự án			86.7	6	Dự án			40.00	8	Dự án					53.3	
<b>3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>																									
a) <b>Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</b>																									
Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng bình quân	33,796	Ha/năm								46,229	Ha/năm														
Hỗ trợ bảo vệ rừng bình quân	8,484	Ha/năm								5,642	Ha/năm														
Hỗ trợ khoán nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung bình quân	391	Ha/năm								772	Ha/năm														
Hỗ trợ trồng rừng sản xuất, hỗ trợ phát triển lâm sản ngoài gỗ bình quân	13,336	Ha								2,309	Ha														
Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ bình quân	115	Ha								182	Ha														
Trợ cấp gạo cho người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng bình quân	914	Tấn/năm								2,171	Tấn/năm														
b) <b>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bằng DTTS&amp;MN</b>																									
- Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị		Dự án	3	Dự án				3	Dự án																
- Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý	1	Trung tâm	1	Trung tâm																					
- Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bằng đồng bằng DTTS&MN																									
Hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, mô hình khởi sự kinh doanh	Mô hình							15	Mô hình	15	Đoàn viên thanh niên		10	Mô hình	10	Đoàn viên thanh niên		10	Mô hình	10	Đoàn viên thanh niên				100%





	Số lượng	ĐVT	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)					
			Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/điện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/điện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/điện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/điện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)	
																						Số lượng
n) Nội dung số 13: Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS	8	Cuộc	2	Cuộc			25.00	5	Cuộc			62.50	8	Cuộc			100					
l) Nội dung 14: Hỗ trợ chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch	5	Chương trình	1	Chương trình			20.00	3	Chương trình			60.00	5	Chương trình		6	Chương trình	120				
o) Nội dung số 15: Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS	3	Làng											2	Làng			66.67	3	Làng	100		
p) Nội dung số 16: Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào DTTS																						
q) Nội dung số 17: Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS	12	Lượt	1	Lượt			8.33	7	Lượt			58.33	11	Lượt			91.67	12	Lượt	100		
r) Nội dung số 18: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN.	163	Thiết chế	28	Thiết chế	28	Làng	17.18	93	Thiết chế	93	Thiết chế	57.06	128	Thiết chế	128	Làng	78.53	163	Thiết chế	163	Làng	100
s) Nội dung số 19: Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch																						
a) Nội dung số 01: Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS&MN	1	công trình	0	công trình				1	công trình			30	1	công trình			100					
b) Nội dung số 02: Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS &MN																						
Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ nam, nữ thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN	28	%			23	%												27	%		28	%
Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ bà mẹ mang thai được tầm soát, sàng lọc trước sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN	23	%			5.2	%				10	%							22	%		23	%
Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát, sàng lọc sơ sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN	29	%			12.6	%				23	%							26	%		29	%
Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm tại các xã thuộc vùng ĐBDTTS&MN	63	%			40	%				60	%							61	%		63	%
Chỉ tiêu 5: Tăng thêm tỷ lệ % người sử dụng dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình tại các xã có triển khai chiến dịch tại khu vực III và II thuộc vùng ĐBDTTS&MN	60	%			42	%				>60	%							60	%		60	%
c) Nội dung số 03: Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ-trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS																						
<b>8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ 2em</b>																						
a) Nội dung số 01: Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em	274	tổ	247	tổ	247	thôn	90	274	Mô hình	274	thôn	100	duy trì 274	Mô hình	274	thôn	100	duy trì 274	Mô hình	274	thôn	100

	Số lượng	ĐVT	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)					
			Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/điện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/điện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/điện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/điện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)	
																						Số lượng
b) Nội dung số 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em	15/151/10	Mô hình sinh kế/ ĐCTC/ MH NNBLGD	0/45/0	Mô hình sinh kế/ ĐCTC/ MH NNBLGD	0/45/0	Mô hình	30	5/111/5	Mô hình	5/111/5	Mô hình	33	5/5/5	Mô hình	5	thôn	50	5/151/5	Mô hình	5/151/5	thôn	100
c) Nội dung số 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng, giám sát và phân bổ; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.	55/134/50	CLB thủ lĩnh/ cuộc/nguoi	25/0/0	CLB	25	CLB		55/40/0	CLB/Cuộc	55/40	CLB/Cuộc	100/30/0	55/50/25	CLB thủ lĩnh/ cuộc/nguoi	55/50/25	CLB thủ lĩnh/ cuộc/nguoi	100/80/50	55/134/50	CLB thủ lĩnh/ cuộc/nguoi	55/134/50	CLB thủ lĩnh/ cuộc/nguoi	100
d) Nội dung số 04: Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, gia làng, trường bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.	10	lớp	3	lớp	150	người	30	5	lớp	200	người	80	2	lớp	100	người	100	5	lớp	250	người	100
<b>9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn</b>																						
a) Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế-xã hội nhóm DTTS rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù																						
- Nội dung số 01: Xây dựng cơ sở hạ tầng các thôn, bản theo tiêu chí nông thôn mới																						
- Nội dung số 02: Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế																						
- Nội dung số 03: Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào																						
- Nội dung số 04: Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các DTTS có khó khăn đặc thù																						
b) Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.	43	Lớp/Hội thi /đợt	8	Lớp	520	Người	18.60	14	Lớp/Hội thi /Đợt	920	Người	32.56	13	Lớp/Hội thi /đợt	900	Người	30.23	10	Lớp/Hội thi /đợt	700	Người	23.26
<b>10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>																						
a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG																						
- Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín																						
Cấp báo dân tộc	233,742	Tờ	98,904	Tờ	624	người	42.31332	65,936	Tờ	624	người	100	98,904	Tờ	624	người	100	98,904	Tờ	624	người	100
Báo địa phương	53,568	Tờ	23,760	Tờ	330	người	44.354839	15,840	Tờ	330	người	100	23,760	Tờ	330	người	100	23,760	Tờ	330	người	100
Thăm hỏi hỗ trợ gia đình								1	lượt	122	người	100	1	lượt	122	người	100	1	lượt	122	người	100
Tổ chức hội nghị tập huấn bồi dưỡng cung cấp tài liệu thông tin người uy tín	16	Lớp	4	lớp	198	người		4	lớp	198	người	100	6	lớp	541	người	100	6	lớp	541	người	100
Học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh			1	Lượt	30	người		4	lượt	150	người	100	4	Lượt	150	người	100	4	lượt	150	người	100
- Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS	30	Lớp/Hội thi	3	Hội thi	300	người	10.0	9	Hội thi/Lớp	750	người	30.0	10	Lớp/Hội thi	800	người	33.3	6	Lớp/Hội thi	500	người	20.0

	Số lượng	ĐVT	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)				
			Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)
- Nội dung số 03: Tăng cường trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS																					
b) Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN																					
- Nội dung số 01: Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện CTMTQG																					
- Nội dung số 02: Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị hội thảo, đào tạo tập huấn của BCĐTW và cơ quan giúp việc BCĐTW																					
- Nội dung số 03: Hỗ trợ cơ quan giúp việc cho BCĐTW tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn trực tuyến phục vụ cho việc chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện CT																					
- Nội dung số 04: Hỗ trợ xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng CNTT tại trụ sở UBND cấp xã																					
- Nội dung số 05: Hỗ trợ xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng DTTS&MN																					
c) Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện CT	16	Đợt					18	Đợt				15	Đợt			15	Đợt				

